

Name:
 Class: S3
 Tel: 034 200 9294
 Ngày GV giao bài:
 Ngày HS nộp bài:



Grammar:
 Reading:
 Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 3

Unit 1: Working together – Grammar 2 & Writing practice

A. GRAMMAR

1. Like (Thích) + Gerund (danh động từ)

- **Gerund** là các động từ có đuôi -ing.

Ví dụ: working, studying, doing, having, swimming, travelling, etc.

Cấu trúc	I/ you/ we/ they/ N số nhiều + like + V-ing.
	He/ she/ it/ N số ít + likes + V-ing.
	*N = Noun: Danh từ
	*V-ing = Verb-ing: Động từ có đuôi-ing.

Chú ý: Do not like / Does not like + V-ing: Không thích làm gì

Ví dụ:

- I **like studying** English. (Tôi thích học môn Tiếng Anh.)
- She **does not like eating** fast food. (Cô ấy không thích ăn đồ ăn nhanh.)

2. Must

	MUST
Nghĩa của từ	Phải
Cách dùng	Diễn tả sự bắt buộc, mệnh lệnh hay sự cần thiết làm việc gì đó
Cấu trúc	must + Verb (nguyên thể)
Ví dụ	We must brush our teeth before going to bed. (Chúng ta phải đánh răng trước khi đi ngủ.)

3. Question words (Từ để hỏi)

	Chức năng	Ví dụ
WHO	hỏi về người	Who are you? (Bạn là ai?)
WHERE	hỏi địa điểm	Where is the restaurant? (Nhà hàng nằm ở đâu?)
WHAT	hỏi về sự vật, sự việc	What is the date today? (Hôm nay là ngày bao nhiêu?)
HOW	hỏi về tính chất	How does it work? (Nó hoạt động thế nào vậy?)

Lưu ý: Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

B. HOMEWORK

Exercise 1: Look at the pictures and complete the sentences

0.		The woman likes <u>carrying</u> (carry) the cat.
1.		The little girl likes _____ (draw) a picture.
2.		The kids like _____ (wave) at people.
3.		The players like _____ (pass) the ball.
4.		The girl likes _____ (climb) the tree.

Exercise 2: Write the correct letter

- | | | |
|---------------------------|-------------------------------|------------------------|
| A. must drive slowly | B. must call for help quickly | C. must be careful |
| D. must bring an umbrella | E. must use your right foot | F. must use |

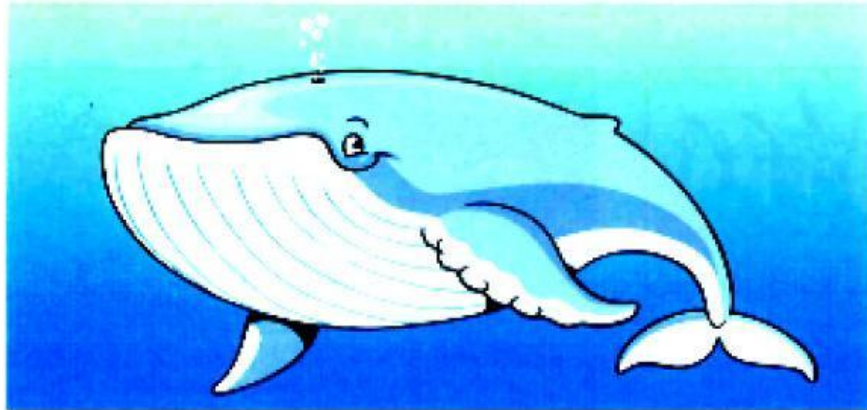
0. The elevator has been out of order (hư hỏng), so residents _____ **F** _____ the stairs.
1. Look! It is raining now, so you _____.
2. The tables in the room are old, so room users _____.
3. If the street is crowded (đông đúc), drivers _____.
4. Listen! The rule is to tap your right foot only, so you _____.
5. In case there is an accident on the road, people around _____.

Exercise 3: Fill in the blank with the correct question words

0. What is he doing? - He's dancing.
1. _____ are they this morning? - They're at home.
2. _____ is Jack meeting at the party? - His friend, Suzie.
3. _____ does Joey go to school? - By bus
4. _____ did you do in Japan? - I did a lot of interesting things.

Read the text. Choose the right words and write them on the lines.

Blue whales



Example

Some blue whales are longer than three buses!

They are the largest animals in the world. They eat the very smallest

1 animals that live in the sea and fish
eggs, too.

2 Blue whales live in cold seas most the
year because they can find more food there. But when there is ice on

3 the water, whales swim to another part of

4 the world. There, they When there is no ice,
they swim back again! Blue whales don't have teeth. They have a kind of

5 moustache inside mouths which catches the
food when they swim.

2. Sarah _____ (eat) noodles for breakfast.
3. We _____ (watch) their kids.
4. Maria and Susie _____ (drive) to school.
5. Lyn _____ (go) to bed.



